

JEAN TARDIEU

Thư

HÀ NỘI





JEAN TARDIEU (1903-1995)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

LỜI TỰA

Cuốn sách nhỏ này được giới thiệu cho độc giả Việt Nam hôm nay thông qua bản dịch đầu tiên “Thư Hà Nội” là một cuốn sách lớn.

Quả là, cần phải đón chào cuốn sách này không chỉ như một tác phẩm văn học hay, như một lá thư lịch lãm và tinh tế của một nhà thơ trẻ viết cho một đại văn hào được chiêm ngưỡng và tôn trọng (Roger Martin du Gard), mà còn như sự làm chứng về tình hình thuộc địa ở Đông Dương vào những năm ba mươi của một người có tấm lòng nhân hậu. Đây là một minh chứng hiếm có, vì thời đó không có nhiều cuốn du ký vượt ra khỏi được những chuyện ngoại lai hay ngợi ca thông thường, và thực sự không có nhiều cuốn ngày nay còn xứng đáng được đọc và lưu giữ.

Vượt lên trên cách suy nghĩ hẹp hòi và tầm thường của phần lớn các đồng hương xa quê của ông, Jean Tardieu, người phản kháng chủ nghĩa thực dân, đã ngay lập tức thấu hiểu và yêu mến tâm hồn người Việt Nam, ông biết rằng một dân tộc áp bức dân tộc khác sẽ không bao giờ có thể là một dân tộc tự do, và đau khổ vì những gì ông cảm nhận và nhìn thấy, ông sống những năm tháng ở Hà Nội với nỗi cay đắng xót xa.

Cảm giác tan hoang vô hạn ấy là điều ông cảm thấy khi đứng trước thực tế đáng phẫn nộ gắn với sự nhục nhã kia. Ông cũng thể hiện ở đây sự luyến tiếc một cuộc hẹn lỡ dở với lịch sử và thấy rằng lẽ ra có thể thiết lập những mối quan hệ khác giữa hai dân tộc. Phải chăng bởi vì cha ông, người sáng lập ra Trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, đã thử đưa ra cách tiếp cận này? Dù thế nào thì “Thư Hà Nội” cũng rất hòa hợp với tuyển tập văn học Pháp chống chủ nghĩa thực dân mà ở đó Jean Tardieu gặp gỡ với André Gide hay Jean - Paul Sartre.

Nhưng cuốn sách này không chỉ là một tư liệu lịch sử mà còn là một chặng đường thơ. Khi ngắm nhìn dòng sông Hồng, những khoảng ruộng lúa tuyệt vời của vùng châu thổ ấy, Jean Tardieu bị quyến rũ bởi vẻ duyên dáng của một đất nước, nơi mà khí hậu, màu sắc và nhiệt độ kết hợp với nhau không giống như ở bất kỳ nơi nào khác. Mượn cái nhìn của họa sĩ, khi du ngoạn rong ruổi khắp đất nước mà ông sẽ mê say, ông biết miêu tả cả ánh sáng và nét u buồn của phong cảnh, “tất cả ánh chói bị phủ mờ, phai nhạt đi, vừa lóa mắt lại vừa êm dịu thức tỉnh trong tâm hồn những âm vang sâu xa...”. Chúng ta sẽ không thể quên được những gì ông viết về nông thôn Hà Nội khi đi qua những kênh đào và những con đê...

Vì vậy việc xuất bản tác phẩm “Thư Hà Nội” quý giá này là một sáng kiến hay của Nhà xuất bản Phụ nữ, và đương nhiên Bộ phận Văn hóa Đại

sứ quán Pháp xin cảm ơn Nhà xuất bản và cùng hợp tác trong việc này.

Francois Gauthier

(Tham tán Hợp tác và Hoạt động Văn hóa, Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội)

*

Tháng Giêng năm 1928, tại Hà Nội, một anh binh nhì bắt đầu một bức thư gửi Roger Martin du Gard, người anh đã quen trong những buổi gặp mặt nổi tiếng ở Pontigny[i].

Anh lính số 560, bởi đó chính là số hiệu của anh, đang phục vụ quân dịch tại đây trong những điều kiện có phần đặc biệt: anh là trợ lý tham mưu dưới quyền chỉ huy của anh ruột Marcel Aymé; do đã in được những bài thơ đầu tiên ở tạp chí N.R.F[ii] (lúc ấy được mọi người đọc say mê), anh được các chỉ huy quý mến và được hưởng một vài lợi thế bé nhỏ; sau cùng, anh được ở ngay trong biệt thự người bố, họa sĩ Victor Tardieu, hiệu trưởng trường Cao đẳng Mỹ thuật.

Nhưng cả tiện nghi lẫn ưu tiên đều không ngăn được anh thấy, và anh có nhiều điều để nói tới mức bức thư bỏ dở rồi viết tiếp, đã trở thành một nhật ký thực sự. Đó cũng là ý nghĩ của người nhận thư, ngay khi đó đã động viên anh nên cho xuất bản dưới hình thức này hay hình thức khác, một “Bức thư từ Đông dương”.

Jean Tardieu đã không làm ngay việc đó (do chức vụ đương nhiệm của cha ông) nhưng ông vẫn rất tâm đắc về bức thư, không sửa chữa gì ông

mong muốn nó sẽ được xuất bản sau khi ông mất. Ngày nay đọc nó, ta hiểu tại sao, bởi trong bức thư có một lời phê phán khá mạnh, rất riêng đối với chủ nghĩa thực dân và “nền dân chủ của các Homais”, cùng nhiều vấn đề về bản sắc của các nền văn hóa, được diễn đạt qua những câu chữ hần Segalen sẽ không chối bỏ. Và sự hấp dẫn lớn nhất của nó là cách gợi tả môi trường, khí hậu, phong cảnh và hội họa phương Đông, chưa kể tới vai trò của các yếu tố này trong việc tự khám phá bản thân.

Tóm lại, Jean Tardieu sẽ từ Hà Nội trở về (tại đây ông đã làm quen với người sau này sẽ trở thành vợ ông “một thiếu nữ cực kỳ siêu trong bộ môn khoa học”) sẵn sàng để đón nhận trong ông, bất kỳ cảnh quan là thế nào chẳng nữa “sức tưởng tượng thường câu được thiên nhiên tươi rói trong một lưới ảo ảnh”.

Gérard Macé

*

Hà Nội, 22 tháng Giêng 1928

Ông kính mến,

Tôi quá hiểu không thể bắt đầu bức thư này mà không kể cho ông một câu chuyện dài về vô vàn sự cố và chương hồi mà chuỗi chuyển tiếp lý giải cho sự yên lặng của tôi và khiến tôi được thứ lỗi. Nhưng tôi cũng biết rằng ông đã hiểu cho tôi ngay từ trước: có cần phải nói với ông lần nữa rằng, dù có là thời gian, khoảng cách hay sự cố, dù trong tôi có tích tụ những hình ảnh mới mẻ, sặc sỡ và huyền ảo thì ông vẫn hiện diện trong ý nghĩ tôi, ở

trung tâm các tình cảm giữ gìn quý báu nhất của tôi, như thể tôi chỉ vừa gặp ông cách đây chốc lát. Vậy xin ông cho phép tôi đột ngột bắt đầu bức thư này, để khẳng định sự hiện diện ấy bất chấp mọi điều và để chính xác tôi có được ảo tưởng huyền diệu là chỉ mới gặp ông vừa đây thôi.

Hôm nay, ngày 22 tháng Giêng, hoặc đêm trước ngày mừng một Tết âm lịch, tôi đã đi xem vở *Di chúc của Lão Leleu* ở nhà hát Hà Nội. Nó xen vào giữa hai vở trước đây đã được diễn ở rạp Vieux-Colombier, Thức ăn gia đình và Con ác là chột. Quả ông giám đốc nhà hát thật táo gan: hẳn ông ta phải biết rõ công chúng phần lớn là “tinh lẻ” này sẽ không thưởng thức được vở *Lão Leleu*. Đó là điều đã xảy ra: người ta nói với tôi rằng phòng hát chật ních khi diễn một vở ca kịch nhẹ như *Ba cô gái khóa thân*, còn hôm nay trong cái nhà hát khá rộng này, chỉ có nhiều lắm là một trăm người, trong trăm người đó có chừng mười người là mãn nguyện, trong mười người đó có một anh binh nhì đang như được uống sữa, nói theo nghĩa bóng. Quả nhiên tác phẩm của ông được ông diễn không phải hoàn hảo, nhưng cũng không hề kém cỏi. Sân khấu tinh lẻ ư? Không, còn khá hơn thế. Còn hơn cả một nhà hát Paris loại hai nữa: giám đốc nhà hát đóng vai lão Lessandre và lão Leleu, và ông ta, tên là Bourrin, còn khoe đã từng diễn ở rạp Vieux - Colombier. Tôi không rõ điều đó có đúng sự thật không. Dù sao ông ta cũng đã theo khá sát sao kỹ thuật của Copeau, để có thể, quả vậy, nhại theo khá thành công cách diễn của ông ấy... ở tận bên bờ Thái Bình Dương - và sưởi ấm lòng vài kẻ xa xứ. Lòng xiết bao rung động, anh binh nhì ấy đã nhìn thấy màn mở ra trên một bài trí giản lược, bên phải là cái hòm nổi tiếng và bên trái, cái mũ bo-nê, chăn gối của ông lão Alexandre! Câu “Kh... óa mồm mày lại” phát ra rất khéo, câu rượu mác [iii] “năm nhật thực” nghe giòn tan, tiếng nấc của kẻ hấp hối hài hước mà không quá đáng, và các trò diễn xuất của ông lão Leleu được sắp xếp một cách thông minh và có gu. Vai la Tourine diễn tồi, không chút dí dỏm - nhưng nhìn chung người ta có thể kinh ngạc và sung sướng vì xem được một vở diễn như vậy ở Hà Nội! - Cuối cùng, có một chi tiết sẽ khiến ông

thú vị: bát xúp mà la Tourine đưa lão Lessandre là một trong mấy “Ké – batt” Annam xinh đẹp, một cái bát ăn cơm be bé, bằng sứ mỏng xanh nhò, có chấm những đốm lớn màu lục sẫm: nếu giữa cái nhà hát giống hết mọi nhà hát Âu châu, phía sau các hàng ghế tựa nhô lên gáy những người châu Âu khiến trong chốc lát tôi tưởng mình đang ở Pháp - đột nhiên cái bát ăn cơm chẳng chút thuộc vùng Berry này lại nhắc tôi rằng tôi đang ở nơi nào!

*

Ngày 23 tháng Giêng

Chiều qua hơi mệt vì đột nhiên có một ngày nóng - nóng và buồn tẻ - một bất ngờ khó chịu sau ba tuần trời đông dịu ngọt, mát mẻ, đôi khi còn lạnh thật sự - tôi đã bỏ dở bức thư. Nhưng giấc ngủ của tôi đã bị chậm lại rất lâu do tiếng nổ không sao chịu nổi của những quả pháo người dân An nam thường đốt vào đêm trước ngày “Tết” tức là ngày đầu năm, ngày lễ quan trọng nhất, trong ngày đó cả dân tộc nghỉ ngơi, từ người cu li bình thường đến các thượng thư của nhà vua. Vậy là tối qua, và ngày hôm nay nữa, người ta đã bắn đi những tràng pháo cực kỳ âm ỉ để xua bọn quỷ, sợ hãi cuống cuống giữa tiếng inh ỏi, chúng bỏ chạy, nhờ đó các lời nguyện, các lời cầu chúc cho một năm mới hạnh phúc đủ thì giờ để khắc sâu hơn vào bài vị các vị thần tốt lành. Nhưng thưa ông, đừng sợ rằng tôi rơi vào “màu sắc địa phương”. Sau ba tháng ở đây, tôi vẫn chưa biết chút gì về người dân Bắc Kỳ về cách họ phản ứng, về suy nghĩ và phong tục của họ... và tôi sợ rằng năm sau tôi sẽ ra đi mà không biết gì hơn: Tôi sẽ thử cố gắng hết sức niềm nở, khoan dung, tươi cười để những người đối thoại An nam có thể tin tôi, những cố gắng ấy sẽ chẳng thể làm họ quên rằng tôi là kẻ tiếm quyền, kẻ đi chinh phục, than ôi nhất là tôi lại mặc quân phục của lính đánh thuê tàn nhẫn của phương Tây! Họ thường xuyên tự giấu kín trong bản thân họ, và thái độ cực kỳ lịch lãm, kính trọng thái quá, khó chịu kinh

khủng, họ thường bộc lộ với người Pháp, tôi tin chắc rằng, chỉ dùng để họ càng tách ra khỏi chúng ta. Tôi nghĩ rằng không có cách gì chữa được tình trạng này: bao giờ mỗi dân tộc, khi nghĩ tới một dân tộc khác, chẳng có khuynh hướng nghĩ về dân tộc này một cách tổng thể, tổng hợp, nhanh gọn, thường sai lệch, mà không nghĩ tới những khác nhau khá lớn có thể có giữa nhóm này nhóm khác, thành viên này hoặc thành viên khác trong lòng dân tộc nước ngoài đó? - chính theo cách đó mà một người Pháp có thể nói rằng: “Người Đức là thế này, thế kia”, không hề nghĩ rằng có những khác biệt không sao kể xiết giữa người Đức này và người Đức kia. Do vậy, tôi tin chắc rằng cảm tưởng đầu tiên những người Đông dương có về người Pháp lúc diễn ra cuộc xâm lược, vẫn tồn tại và sẽ không bao giờ mất đi, chừng nào ở đây chúng ta còn là những kẻ “thực dân”. Cho dù ta có nói với họ, thề với họ là ta không cùng quan điểm với những người dân thực sự, ta thật lòng mong muốn có được mục đích vô tư - tôi thấy rõ họ sẽ trả lời ra sao: họ sẽ mỉm cười vẻ sung sướng, cực kỳ lễ phép họ sẽ cảm ơn anh về những ý tốt đó - nhưng rồi họ sẽ đứng lặng, khép kín và càng ngờ vực hơn bao giờ hết: trước mặt họ, ta vẫn cứ là người Pháp, nghĩa là kẻ tiếm quyền, không lúc nào quên che giấu đằng sau những lời đường mật, một tính toán nào đó về lợi lộc hay để thống trị. Những người Pháp nào vốn là những “thực dân” thực thụ ở đây, đến từ ba mươi hoặc bốn mươi năm nay, không hề muốn công nhận điều đó: họ bịt tai nhắm mắt lại và cứ tiếp tục coi dân tộc đặc biệt tinh tế và thanh nhã này là “nói giống hạ đẳng” và nhiều điều ngu xuẩn giống như vật. Nhưng cũng phải có một tình cảm bị thui chột hoặc chai cứng lắm - do khí hậu hoặc ý nghĩ khả kính về một nghĩa vụ “cải hóa” - thì mới không “đánh hơi” thấy xung quanh ta cái không khí không chỉ thù địch mà còn tệ hơn thế nữa: một không khí chính xác tuyệt đối im lặng, phi bản sắc như thể chỉ cần có một người Pháp đến gần cách năm mươi mét, là đủ để dập tắt mọi tia sáng tự do, tự ngã đích thực trên gương mặt một người bản xứ. Và nếu người này lại là một quan lại có chức vị cao, kiêu hãnh tiếp nối một dòng dõi, có từ khai thiên lập địa, khi người Pháp trò chuyện với họ, đáng lẽ bộc lộ suy nghĩ riêng của ông ta sẽ tìm cách đoán ra ý nghĩ của người đối thoại, để tỏ ra lúc nào cũng đồng ý với người

này. Thiếu tự trọng chẳng? Theo ý riêng tôi, hoàn toàn ngược lại: một cung cách vừa để giữ riêng cho mình những suy nghĩ sâu xa, và cũng là để biểu lộ - đối với bản thân - tính ưu việt, niềm kiêu hãnh - tính ưu việt thực sự vốn dĩ phải là thái độ cung kính lễ phép, là sự hạ cố. Sao không nhận ra nơi đây cách thức người ta thường dùng đối với mọi kẻ quấy rầy khó chịu và nhiều lời: người ta vội vã đồng ý với kẻ kia để có thể nhanh chóng thoát khỏi việc phải tiếp xúc với y. Mọi điều tôi vừa nói với ông có lẽ không đúng. Tôi đưa ra với ông những giả thuyết trên vì cái giá của chúng: thực không dễ gì hiểu được suy nghĩ và ý định của những người khác biệt với chúng ta như những người vùng Viễn đông này. Nhưng tôi tin hiện nay tôi ở một vị trí có thể thử làm một vài khái quát e dè và thận trọng, từ một số sự việc. Dù sao tôi cũng sẽ cố không bao giờ xác lập một quan niệm mà không nghĩ tới quan niệm ngược lại. Bằng cách luôn chữa quan niệm này bằng quan niệm kia, có lẽ tôi sẽ đạt đến chỗ nhìn nhận sáng tỏ hơn và trở về sau chuyến đi này với một vài nhận xét chính xác sẽ có thể giúp tôi một ngày nào đó. Đây là một trong những sở hữu đẹp nhất tôi có thể có được từ nơi đây. Nhưng đây này, cho tới nay tôi thực sự chưa bao giờ làm rõ được một ý nghĩ gì. Và “tôi ra vẻ khôn lỏi” khi cứ muốn trình bày như một phương pháp, cái điều chỉ là một sự bất định đáng buồn về quan niệm và trạng thái! Thật vậy, chưa bao giờ tôi cảm thấy thất thường như từ khi tôi đến “định cư” một thời gian ở Hà Nội. Điều này chắc do khí hậu: tôi thấy dường như ở xứ này, hơn bất cứ ở nơi nào khác, con người trực tiếp lệ thuộc vào quyền lực độc đoán và đồng đánh của các nguyên tố. Người ta cảm thấy mình trở nên chỉ là một con rối nổi bằng hàng ngàn sợi giây vô hình với ý muốn của mặt trời, của mây, mù, của gió và giờ giấc; ý nghĩ đổi màu, tính nhạy cảm tăng giảm vừa bằng thời khắc một cơn giông tiền tới gần, nổ ra rồi tan đi. Về phần tôi, chưa có ngày nào mà trạng thái tinh thần và thể chất của tôi lại chẳng trải qua nhiều giai đoạn kế tiếp: từ mệt mỏi tới sáng khoái, từ thoải mái thanh thản tới một sự khó chịu bí ẩn, từ niềm vui trọn vẹn tới tuyệt vọng. Và tôi hay nghĩ tới một điều mà Gide đã ghi nhận về các phong cảnh châu Phi: tính không biệt hóa. Vâng, đúng là như vậy, ở xứ Bắc kỳ này người ta có cảm tưởng rất rõ về một thiên nhiên không phân

hóa, hoặc chưa phân hóa: không có giới hạn chính xác giữa mùa này và mùa khác, từ ngày này sang ngày sau, khí hậu chênh từ mười đến mười lăm độ: buổi sáng đi từ nhà, trang bị áo len, cuộn kín trong áo ca-pốt da, tôi có thể tưởng mình ở Paris vào tháng mười hai: cũng ánh nắng nhạt và vui, trời một màu xanh - xám tuyệt đẹp, tiếng động đanh đanh của đường phố, cảm giác nhẹ bỗng. Và đột nhiên, ngày hôm sau, nóng như mùa hè Pháp - trời đầy giông tố, màu xám chì, màu phơn phớt bóng bẩy của các đám mây. Và thời tiết cứ thay đổi vậy ngày lại ngày, với một sự sáng tạo phong phú không sao kể xiết, hết thấy sắc màu, màu nọ kế tiếp màu kia, hỗn độn. Cũng có một sự không biệt hóa nào đó trên chính mặt đất: ở vùng nông thôn Châu thổ, có những chỗ ta không hiểu nơi đâu kết thúc ruộng lúa, nơi đâu lại bắt đầu hồ ao - và nước các ruộng lúa lại giống như nước biển, ở đó ta thấy cá và những con cua nhỏ. Không biết bao điều bất ngờ ngộ nghĩnh dành cho người khách du hành mới đến: một nông dân ngồi câu bằng cần câu bên ruộng của mình nếu cây lúa đã cao, người ta không nhìn thấy nước và không còn hiểu ra sao nữa! Trên mười thửa ruộng cạnh nhau, có một thửa người ta đang gieo hạt, một thửa nữa người ta đang cấy mạ, những thửa khác mỗi thửa lại ở một độ sinh trưởng khác nhau và ở thửa cuối cùng người ta đang gặt! Sau cũng các con sông, rộng như những eo biển nhiều khi đổi dòng, và vào những thời úng lụt cả một tỉnh có thể biến thành biển trong đất. Khi nước rút, dân chúng đã thích nghi lại bình tĩnh xây hẳn một cái làng cho thời hạn sáu tháng trên mặt sông đã khô và chúng ta đây vốn “không có thói quen”, chúng ta chẳng biết đâu là bờ sông và đâu là chính con quái vật: nơi đây là một cái đầm, nơi kia một cái ao hình méo mó, đó đây là những con sông ngoằn ngoèo. Toàn bộ thiên nhiên do vậy như giục những khách lạ, những người không thích nghi, sống ngày qua ngày và trong một trạng thái thường xuyên chuyện nọ xọ chuyện kia. Phải có một ý chí kiên định lắm mới theo đuổi được dài lâu một suy nghĩ khi có nhiều gián đoạn đến thế! Người ta cảm thấy mình chưa bao giờ phi lý đến vậy. Có những ngày nắng thật quyến rũ - khi ánh sáng chảy quanh anh, lẫn vào máu anh, khiến anh trong veo và sáng như thủy tinh - tới mức ngay khi ta có những nỗi buồn lớn nhất trần gian thì ta vẫn buộc phải vui cười. Một ngày

khác khi tất cả đều chạy ro ro, khi người ta chẳng có lý gì để phàn nàn, đột nhiên thổi đến một ngọn gió gay gắt, lẫn với một làn không khí hầm hập. Bầu trời bị bít chặt bằng những đám sương mù lớp lớp, đáng lẽ ngăn được những tia sáng chói lọi của mặt trời, thì lại khúc xạ chúng thành những mặt nhỏ vô vàn những giọt li ti treo lơ lửng - thế giới trở nên thù địch - không có ánh sáng, một thiên thể thâm hiểm đang giấu mặt để dễ dàng tống cho anh một cơn cảm nắng - người ta vừa ra mồ hôi lại vừa run cầm cập.

Chỉ một giờ sau kiểu thời tiết này, mọi lý do khiến ta vui sướng đều biến mất - bị đốt cháy hoặc hòa tan, ta chẳng biết nữa. Tuyệt vọng. Phải đợi khi các Ngài quý dữ bằng lòng thay đổi ý kiến, sẵn sàng đem đến cho anh một tẩu thuốc phiện do họ nghĩ ra! Thật vậy, đột nhiên xảy ra một cái gì đó trên bầu trời, một cái gì đó rất khó hiểu: phía đâu đó một cơn giông vừa bục ra, những cơn bão cứng lại vì một sự dọa dẫm xa lạ bỗng giãn ra và cũng lúc ấy dây thần kinh của ta chùng xuống. Một bình minh tươi rói hoặc nhẹ nhàng, hoặc nữa là một hoàng hôn hiền hòa bao dong khẽ nở, xòe nhanh như một chiếc quạt. Người ta cảm thấy thoải mái thấm vào người, như chưa từng bao giờ ta cảm thấy ở Pháp (bởi ở cái thế giới kì cục này, cảm giác khó ở cũng như sáng khoái có một cường độ gấp ba bốn lần so với khi người ta ở xứ ôn đới). Và các ý nghĩ tốt đẹp lại nảy sinh trở lại!

*

24 tháng Giêng

Để có thể nhất quán với tính tiền hậu bất nhất của tôi bằng nhiên tôi tự hỏi: có lẽ có thể đúng là dân Việt Nam sung sướng hơn từ khi chúng ta che chở họ (hơi theo kiểu Arnolphe che chở tuổi trẻ của Agnès!^[iv]) Các khoảng cách ghê gớm về giàu nghèo trước đây tồn tại giữa các đẳng cấp khác nhau

của vương quốc cũ có hơi giảm đi; một người An nam, nhân viên nhỏ trong một cơ quan Pháp, chắc chắn giàu hơn, tự do hơn, sung sướng hơn so với khi làm thư lại phục vụ một quan lại. Và lại còn y học. Rõ ràng là dịch bệnh giảm xuống. Dân số An Nam tăng lên khá hơn căn cứ trên thống kê. Và sự thực thì người nông dân hèn kém nhất nếu bị ốm, thay cho những loại thuốc dựa trên kinh nghiệm chủ nghĩa, có thể được một thầy thuốc người Pháp tốt sẵn sóc không mất tiền. Nhưng đây chính lại là vấn đề: một con người có sung sướng hơn khi phục vụ một ông chủ hiền lành và khoan dung nhưng lại là một người nước ngoài, không hiểu gì anh ta, so với việc phải chịu những đòn roi mây quen thuộc từ phía một ông chủ tàn ác nhưng cùng giống nòi, có cùng tập quán và nói cùng ngôn ngữ với nạn nhân của ông ta không? Và có phải được chết bằng một vị thuốc đã lần lượt giết hết các tổ tiên anh ta từ hàng trăm thế hệ này, còn hơn là khỏi bệnh trong một nhà thương xa lạ, trong một nhà thương xa lạ, trong một không khí khiến anh khó chịu so với các thói quen suy nghĩ và nhìn nhận của anh không? Có lẽ có một cách để hợp tác với dân tộc này, điều khiển không thô bạo, tìm cách đi theo hướng của họ chứ không phải buộc họ về phía mình, không thể để họ cảm thấy áp lực quyền uy, tranh thủ được lòng tin của họ, Nhưng như vậy phải có rất nhiều sự tinh tế và trí thông minh, một lòng tốt không nhu nhược, một ý chí muốn thích nghi, mà những người ở đây đã không có. Lý ra phải cử đến đây, không phải những kẻ tầm thường những người “trung bình”, mà những con người hành động và những quan chức hành chính giỏi nhất. Có bao nhiêu quan điểm sai, bao nhiêu lầm lẫn người ta đã bắt họ phải nuốt cho kỳ được. Thật đáng buồn khi nghĩ rằng ở Đông dương không còn những trường trong đó có dạy chữ Nho, rằng ký ức tinh thần và nghệ thuật của nước Trung hoa, trong nền văn hóa Việt Nam trước đây, vốn đóng vai trò giống như văn hóa cổ đại Hy Lạp ở nước chúng ta, đã mất dần, và thay cho nhiều tính trí tuệ đến vậy, thay cho bao nhiêu sự cao thượng tinh thần ấy, người ta lại nhét vào óc trẻ con tất cả cái gì xoàng xĩnh tẻ nhạt nhất của nền dân chủ những ông Homais - tinh thần “trường xã”, các “nguyên lý bất diệt” của năm 89 và quy tắc động tính từ mà những đầu óc thiên về tình lực này chẳng biết dùng làm gì. Trong khi một thực dân

thực thụ, nếu ông ta muốn con cái người bồi của ông ta biết đọc trong nguyên văn thơ của André Theuriet và năm được ngày tháng chiếm lĩnh La Rochelle, thì ông ta lại chẳng quan tâm gì đến việc hiểu biết xứ sở nơi ông đang sống: người ta đã xây những biệt thự trung cổ, vạch những đại lộ gọi nhớ nhiều nhất tới con “đường dạo chơi Victor Hugo” muôn thuở, hay “phố Jules Ferry” của các tỉnh lẻ của chúng ta: người ta có những khách sạn và cầu thang máy, những quán cà phê có trò chơi bi a - tất cả những cái đó để giấu đi vẻ duyên dáng thăm kín của các ngôi chùa, những phố Tàu quanh co âm ỉ, nói tóm lại, để quên đi được nhiều nhất xứ sở này, nơi người ta biết rõ là dù sao vẫn đang sống tại đây. Có quan trọng gì nếu các cây “tiêu huyền” viền quanh đại lộ này thực ra là những cây bạch đàn hoặc cây cao su nếu, hơi nhấp nháy mắt, người ta đã tưởng như đang ở tỉnh lỵ Pontoiser!

*

29 tháng Giêng

Một ví dụ nữa của khí hậu thất thường này: trong ba ngày vừa qua là một thời tiết Thiên đường thực sự, một nhiệt độ nếu ở Pháp sẽ là của một mùa hạ nóng nực nhưng còn ở đây lại thật tuyệt diệu vì người ta đã quen rồi, cảm giác là cuộc đời không còn trở ngại gì, thân thể như tắm trong luồng ánh sáng và sự thật trong suốt, cứ giãn ra với một niềm vui gần như cây cỏ. Người ta gần như không còn hiểu từ cái nhà có nghĩa gì nữa - đi đâu "ở" nếu không phải trên mặt đất đẹp đẽ, dữ dội và rực sáng này? Tại sao phải trốn sau những bức tường thành? Trong không trung chỉ còn nghe những lời hạnh phúc và nhân từ và đêm đến, bầu trời đẹp này với những ngôi sao âu yếm, dường như rất gần ta!. Đêm vừa qua, vậy vẫn còn là mùa hạ. Sáng nay, trời đầy mây và một cơn gió lạnh dữ dội như gió mixtrian gió càng thổi, từng giờ nhiệt độ lại hạ xuống. Ngày hôm qua, nhiệt kế chỉ 31° dưới ánh mặt trời giữa trưa; hôm nay cũng đúng giờ đó nó xuống còn 17°, một

chênh lệch 14° trong hai mươi bốn tiếng. Lúc này đây, tôi đang phải đốt lò sưởi trong phòng tôi... Tuy nhiên tôi phải đối đề tài: cái tôi đang viết cho ông đây không phải là một lá thư, ông kính mến, mà là một thông báo thời tiết.

Có lẽ đã đến lúc tôi phải nói ít nhiều tới cách thức tôi sống ở xứ sở lạ lùng này. Chất liệu này sẽ buộc tôi phải chính xác hơn là các nhận định mơ hồ của tôi về thuộc địa và các thực dân! Sau một chuyến đi dễ chịu vui vẻ gấp hai mươi lần, yên tĩnh gấp trăm lần và tiện nghi gấp nghìn lần một chuyến du lịch trên các toa tàu của P.L.M, tôi đã tìm thấy ở đây, ở “đầu bên kia thế giới” một ngôi nhà lớn đẹp đẽ, bày biện như thế nó đã được ở từ cách đây hai mươi năm và chỉ còn đợi tôi đến ngồi trước bàn của nó, nằm trên các đi văng, treo áo của tôi vào tủ áo, đến chiều đọc sách trong tủ sách v.v... Một cảm giác thật lạ lùng và cực kì dễ chịu khi gặp lại cha tôi và mẹ tôi bên bờ Thái bình dương trong một khung cảnh nhanh chóng trở thành cũng quen thuộc với tôi như trong căn hộ Paris! Nhưng trong những ngày đầu, khám phá ra những căn phòng rộng trang trí và bày biện với một phong cách trẻ trung tươi tắn thật là những bất ngờ đáng yêu. Từ lâu rồi cha tôi đã bị quyến rũ bởi những tìm tòi của nghệ thuật trang trí đương đại, nhiều khi ở Paris, ông đã muốn, dù ông nghĩ đấy là điều không sao thực hiện được, một ngày kia, sẽ tạo ra một nội thất mới, hoàn toàn khác với nơi ông đã sống, cho làm đồ đạc theo mẫu vẽ của ông và sống trong một không khí hiện đại, sáng sủa và mộc mạc. Điều ông mơ ước, ông đã thực hiện được nó, ở xứ sở này, nơi người ta có thể thấy một ngôi nhà chui ra khỏi mặt đất trong một tháng, nơi mọi đơn đặt hàng huyền hoặc nhất đều được thực hiện nhanh chóng đến kỳ lạ bởi cả một đám thợ khéo tay và thông minh. Phòng ăn chẳng hạn, cao, rộng hoàn toàn làm bằng xi măng, trông ra vườn bằng một ô cửa rộng qua đó ánh sáng lùa vào. Tường sơn màu vàng xám đẹp đẽ, hoàn toàn trống, chỉ được trang trí đơn giản bằng những hình tròn khắc trên nền xi măng, có vẻ như được xếp đặt ngẫu nhiên, mặc dù chỉ có một mô-tip duy nhất được lặp lại. Sàn nhà lát đá hoa xám và trắng và đồ

đặc đơn giản chỉ có một tủ buýp-phê lớn và một bàn để bát đĩa bằng gỗ tốt xứ này, phong cách Ruhlmann, và giữa phòng một cái bàn vuông dầy, bằng gạch nén màu xám bắt chước chất liệu đá. Tất cả chỉ có thế. Tôi quên: trên tủ ăn, chấm phá màu xám trắng của một cái cốc, đồ cổ Tân - hoa, trên bàn thu dọn bát đĩa, có sắc xanh phai, sâu thẳm tuyệt diệu, của một lọ hoa thời Khang hi. Đó chính là nhà ăn của tôi...bởi đã hơn hai tháng nay, kể từ khi phục vụ trong quân dịch, anh lính nhì số hiệu 560 chưa hề ăn một bữa nào ở trại lính, và anh sẽ không bao giờ ăn ở đây vì bây giờ anh đã có một giấy phép hẳn hoi miễn cho anh việc đó. Và anh lính số 560 chẳng thấy đau khổ chút nào khi anh ăn sang trong căn phòng đầy nắng đó! Phòng tôi, nơi tôi hiện đang viết thư cho ông cũng dễ chịu như vậy, vui tươi như vậy; đã 10 giờ; trong nhà và phía ngoài hoàn toàn yên lặng, một khúc củi kêu lách tách trong lò sưởi, đèn bàn của tôi dịu dàng chiếu sáng lên tường sơn màu ghi nhạt, đây đó một vài tranh khắc Nhật Bản hoặc những hình nghiên cứu tinh tế của cha tôi, trên lò sưởi, trên bàn, tủ, vài cái cốc hoặc lọ hoa cổ của Trung Quốc, dáng tuyệt diệu, nơi đó ánh đèn nhóm lên những ánh mơ hồ và thắm kín và mặc dù căn phòng khá rộng - chừng 9 mét trên 6 - ban đêm nó cũng thân thuộc như khi nó sáng rực vào ban ngày, và thật là thích khi vừa đọc sách vừa nghe gió thổi vào cây cối trong vườn. Cuối buồng, trong một góc đóng kín về phía cửa bằng một tủ tường gỗ màu sáng và phía kia bằng một ri-đô đỏ phai, cái hoa màu ghi, là phòng toa lét của tôi, với một vòi hoa sen phía trên bồn nước bằng men sứ. Sau cùng, mặc dù không có muỗi chiều nay, những người giúp việc theo thói quen, đã căng sẵn phía trên cái giường – đi-văng rộng, thấp và đường nét đơn giản, một cái màn tự nó đã như một căn buồng bé trong suốt để kết thúc khi tôi nói với ông rằng, trên cái bàn rộng bên cạnh tượng một nhà nho Trung Quốc đẹp tuyệt, tạc theo kiểu “nấu chấy”^[vi] như một pho tượng Rodin, bằng một thứ gỗ sẫm và nhẵn như một cái ngà cũ kỹ, tôi có một chồng tạp chí NRF và số sau cùng của báo Thương mại, và khi tôi lại nói với ông rằng anh lính số 560 cứ năm lần một tuần lại qua chiều và đêm trong cái “nhà ngủ” và rằng chỉ mấy hôm nữa anh ta hi vọng có giấy phép quyết định ở đây bấy đêm trong một tuần, chắc ông sẽ nghĩ, giống như tôi, rằng tôi đã phục vụ quân dịch

theo một kiểu khá lạ lùng! Nhưng một lần nữa, tôi lại sắp phải ngừng bức thư. Tôi sống như một minh triết, ngủ sớm, dậy sớm và từ 10 giờ trở đi tôi chẳng còn thể nổi lại được hai ý hoặc hai chữ với nhau nữa. Ngày mai tôi sẽ kết thúc nói với ông về anh lính 560 bằng cách trình bày văn tắt tình hình tại ngũ của anh ta - và chúng ta có thể nói sang chuyện khác.

*

30 tháng Giêng

Đây là một nhập đề thú vị: Sáng nay tôi vừa có một cuộc nói chuyện văn học hoàn toàn thân mật với ông chỉ huy cũ của tôi sắp ra đi và với người mới, vừa từ Pháp sang, tên là Aymé, mà người em Marcel Aymé mới cho ra ở NRF một cuốn tiểu thuyết nhan đề *Khứ hồi*. Ông đến nhận việc chỉ đạo Cục Tình báo ở Bộ tham mưu và sẽ là chỉ huy trực tiếp của tôi. Và điều này cũng để biết rằng tôi là trợ lý tham mưu. Ngẫu nhiên đã muốn rằng tôi còn gặp may hơn tôi tưởng. Cách đây hai tháng - một tháng sau khi tôi tới đây - khi tôi được gọi lên, tôi vẫn tin chắc rằng tôi sẽ được gửi đến trung tâm huấn luyện học viên - sĩ quan ở cách đây bốn mươi cây số, giữa một vùng đồi tuyệt đẹp là một cao nguyên rộng, án ngữ ở phía Bắc là dãy núi Ba Vì tráng lệ. Ở đấy, chắc tôi đã sống một cuộc sống lành mạnh nhưng rất nhọc nhằn, nhất là vào mùa hạ: tập luyện, đi bộ 20 km ở nhiệt độ 320 trong bóng râm cộng thêm đầy rẫy những lý thuyết và học thuộc lòng, thi cử v.v... nhưng xét cho cùng tôi đã quen với ý nghĩ ấy cho nên đối với tôi quả là một bất ngờ gần như khó chịu khi đến hội đồng kiểm tra lại - trong khi ở Pháp tôi đã được xếp “loại tốt” cho quân tại ngũ - thì người ta lại thấy tôi không đạt đủ tỷ số qui định giữa trọng lượng và chiều cao, tôi còn thiếu mười cân, vậy là một cân cho mỗi một mươi xen-ti-met cuối cùng của đầu tôi[vii] ! Tôi phải nói rằng trong khi tham mưu còn do dự về số phận của tôi, tôi không hề tìm cách ảnh hưởng để họ nghiêng về phía “tại ngũ”, về bản chất

tôi cũng không thật hiểu chiến. Và bây giờ thì tôi ban phước cho cái tỷ số phi lý “trọng lượng - chiều cao”, nhờ đó tôi được sống những ngày hạnh phúc giữa một khu vườn đẹp - Tổng hành dinh, xung quanh tôi là những chỉ huy đáng yêu, phần lớn họ có học vấn và là độc giả chuyên cần của NRF. Vậy là tôi được chuyển sang quân bổ trợ, rồi với tư cách là lính trơn có chút ít học thức, tôi được cử hẳn về Q.G[viii] làm trợ lý tham mưu. Trong lúc chờ đợi việc bổ dụng, tôi chỉ ở một tháng ở trại đội quân thuộc địa thứ chín và như vậy cũng đủ để tôi có một cái nhìn đại thể về một loại người khá thú vị khi nghiên cứu, tôi muốn nói với những người lính chuyên nghiệp cũng gồm guốc và tuyệt vời như trước đây hẳn đã từng như vậy, những lính đánh thuê thời Cổ đại thời phục hưng và binh lính Năm thứ II. Hiện nay tôi chẳng còn cảm giác sống kiểu sống nhà binh nữa, tôi đi tới “văn phòng” từ 8 giờ mười lăm đến 11 giờ mười lăm và từ 2 giờ đến 5 giờ mười lăm và thế là hết, tôi được miễn không phải tập tành gì trừ việc sử dụng máy chữ! Rồi dồn dập hai việc trùng lặp, càng soi sáng thêm chân trời của tôi: người vợ rất trẻ của một đại úy Saint - Cisar (anh cũng còn rất trẻ và làm ở bộ tham mưu) lại là người quen với Schmidt, đầu tiên vì đôi khi cô đã gặp ông ta ở nhà những bạn bè chung - nhưng đó chỉ là gián tiếp - còn trực tiếp hơn phải nói là nhờ một người bạn gái thân thiết vốn là em con chú con bác của Albert, và vì cô vốn rất yêu thích văn học, nên từ nhiều năm nay, qua trung gian người bạn gái, cô đã chịu ảnh hưởng văn học của Schmidt có thông tin về tất cả mọi thứ ông ấy nói hoặc viết, mọi thứ ông ấy nghe được ở Pontigny hay ở Paris, và đọc đúng những quyển sách ông ấy đọc! Gặp gỡ thứ hai: Người chỉ huy trẻ của tôi không thể ngồi yên một giờ mà không nói tới văn học hay triết học, và người em của ông vừa được in ở NRF. Cuối cùng thì tôi cũng đã được nhận vào một nhóm người thích thú văn học nói chung và NRF nói riêng, không chỉ với tư cách đơn thuần là những “amateurs”, trước đây, tôi đã không chờ đợi sẽ tìm được giữa môi trường nhà binh, không khí mà ở nơi đây gợi nhớ cho tôi nhiều nhất vốn là niềm vui và cuộc sống của tôi. Sau cùng, ông thân mến, và đây mới chính là điều chủ yếu tôi muốn nói tới, thêm một lần nữa, đối với tôi bây giờ là dịp để chịu ơn ông một cách sâu sắc và đầy cảm mến trong sự xa cách ghê

gồm này: Việc tôi in được thơ của tôi mùa hè qua đã giúp tôi có một vị trí đặc biệt trong thời gian tôi làm nghĩa vụ quân sự. Khi tôi vừa được giới thiệu với thiếu tá Aymé vào sáng nay, ông đã hỏi tôi ngay có phải tôi chính là người xuất bản thơ cho NRF không. Bây giờ chúng tôi đã phần nào như có họ hàng với nhau, và công việc nặng nhọc của quan dịch biến thành một cuộc vui chơi bất ngờ. Sáng nay, tôi vui sướng nghĩ ngay đến ông, xúc động vì lại có thêm một lý do nữa - để biết ơn ông về tình bạn xiết bao tuyệt vời, bền chặt và hiệu nghiệm ông đã dành cho tôi.

*

Ngày 2 tháng Hai, 10 giờ tối

Vẫn là khung cảnh trên. Mùa đông vẫn dai dẳng. Tôi nhớ lại: hè vừa qua, khi ở Belleme, bắt đầu một cách ngộ nghĩnh, ông đã đề xuất một cuốn tiểu thuyết trong đó trình tự của các mùa sẽ bị đảo lộn. Một câu kiểu “Một mùa đông nóng như thiêu tiếp theo một mùa thu bộn bề những chồi non” đã làm tôi cười rũ rượi; ở đây tôi có thể thấy điều trên rất nghiêm túc nhất là khi quan sát thảo mộc, sức mạnh gần như bản năng của cây cỏ, vẻ uy nghi dường như sắp tự nhận thức được ấy khiến tôi nghĩ rằng, cũng giống như có những người theo tôn giáo khác nhau sống cùng nhau trong một thành phố, ở đây cũng vậy, có loại theo kiểu châu Âu, có loại theo kiểu nhiệt đới v.v... Buổi sáng khi tôi đi đến bộ tham mưu, tôi đi qua một con phố viền những rặng cây rất đẹp. Chúng đã chọn để rụng lá vào mùa đông; nhìn cảnh cây trụi lá giao nhau trên bầu trời trắng một buổi sáng, lạnh, tôi có thể, chừng nào tôi còn đi ở phố này, tưởng như đang ở ven vườn Luxembourg; nhưng vừa đến chỗ rẽ, cảnh trí đã thay đổi: trên một khu đất, trong khi chờ đợi người mua, người ta đã trồng một vườn chuối. Các tán lá to bản màu sáng uốn sóng theo gió, các cây cao nhất trĩu xuống dưới sức nặng những buồng quả màu lục phơn phớt xanh lơ, mượt mà và cả đám trong suốt màu

xanh đó, ngay vào một hôm trời vẫn mây, vẫn như sáng rực ánh mặt trời và tạo ra ở xung quanh một không khí nhiệt đới. Tuy nhiên, ánh sáng thực sự của xứ An nam, khiến xứ này có một gương mặt đặc biệt, một sức quyến rũ sâu xa và tinh tế hơn hẳn nơi khác, không phải ở trong ánh sáng chói ngời nổi tiếng của cái mà ta gọi là phương Đông, điều này thực ra có lẽ là để nói đến “Cận” đông hơn Viễn đông; ngay nếu mùa hè, mà đến nay tôi còn chưa biết, có cái chính điều này đi nữa, tôi vẫn khẳng định rằng sắc thái phong cảnh Bắc bộ được biểu hiện và thu tóm ở một trong những ngày giông bão và sương mù, khi mà mặt trời và tất cả các tia sáng của không khí đều như bị che phủ dưới một cái vỏ mờ đục và xám; tất cả ánh sáng bị phủ mờ, phai nhạt đi, vừa lóa mắt lại vừa êm dịu thức tỉnh trong tâm hồn những âm vang sâu xa như âm nhạc, đó chính bởi phía trên châu thổ mênh mông này, phía trên những đồng bằng vô tận đầy đầm lầy và ruộng lúa này hoặc xung quanh những cây khổng lồ ấy, cứ tiến hành một cuộc giao lưu hơi nước thần diệu giữa đất và trời, mọi vật đều thấm đẫm ẩm ướt, các đường viền bị xóa mờ, bầu trời đầy sương mù mà mặt trời không ngừng hấp thu. Ta nghĩ đến cách lý giải thế giới của Socrate trong tác phẩm Phédon: phía trên chúng ta, cao vợi vợi, có một lớp người cực lạc sống trên bề mặt những dòng nước địa ngục; và chúng ta cứ bò lê dưới đáy những đại dương thiên đàng. Đúng thế: Ở đây người tưởng đang đi: thực ra ta đang bơi. Ta đang ở dưới nước. Nhưng khi ở gần đến thế đất Trung hoa bao la, điều ta hiểu rõ nhất là những mối quan tâm của các họa sĩ già Trung Quốc trong các thời đại lớn. Chính là kiểu nghệ thuật cứ nhấn chìm các gợi tưởng trong một môi trường mờ sương ở đó nhận thức về tỉ lệ bị mất hướng, những đỉnh núi đáng sợ phủ mây xuất hiện từ một vịnh sâu mà người ta không thể rõ ở đâu biển bắt đầu, và ở đâu mưa và sương mù kết thúc; và nghệ thuật ấy, theo người ta nói, các ông “Léonard”^[ix] Trung Quốc đã tạo thành một khoa học chính xác, để có thể trong một bức tranh nhỏ, tạo ra cảm giác về sự xa vắng và cái mênh mông; và việc thiếu hẳn sắc màu rực rỡ - mọi cái đó; người ta hiểu rằng không chỉ là những cách suy giải mà là những phong cảnh thực sự được quan sát chính xác rồi thể hiện trong thứ ngôn ngữ xảo trá của sức tưởng tượng vốn thường câu được cả thiên nhiên

tươi rói trong một lưới ảo ảnh. Buổi chiều, trước khi mặt trời lặn ít lâu, tôi thường đi dạo ven sông, trên con đê cao bằng đất mà những người Bắc kỳ cứ kiên nhẫn từng sọt từng sọt một, mỗi năm lại tôn cao lên để bảo vệ thành phố khỏi những cơn lũ lụt ghê gớm mùa xuân. Phía trong con đê này, ngay trên nền đã khô của con sông, có một mô đất cao gần như một đồi nhỏ, chắc là một con đê cũ, dưới chân con đê này cuối cùng ta mới nhận thấy dòng sông; đến đây, nó vòng lại và làm thành một vịnh nhỏ, ngay lúc nước rút, vẫn giống như một eo biển. Từ mũi đất nhỏ của tôi, tôi nhìn thấy dưới chân tôi những thuyền đánh cá, xa hơn, những ghe có mái chèo đi qua hoặc những thuyền buồm trở về bến. Phía bên kia, con sông cứ dâng lên, dâng lên dường như cao hơn cả chân trời. Cuối cùng, một nét mảnh màu xám ở xa như chỉ ra một bến bờ thấp thoáng. Trong tất cả không gian ấy, không một sắc màu rực rỡ, không hề có một màu đỏ thực sự, màu lục hoặc vàng gắt như người ta thấy ở Ấn Độ. Một hòa hợp sắc màu trắng lợt: màu xám - nâu. Đủ mọi thang của màu xám và màu hạt dẻ, ở đây các sắc màu chỉ kín đáo hòa lẫn, để khiến cho bùn đất cất lên một khúc ca đơn điệu u buồn, cự kỳ tinh vi và sâu kín. Dòng sông một màu nâu trở - tím lại có những ánh bạc ngả màu; những chuyển đổi khó tả khiến mọi thứ đi qua hàng ngàn sắc thái ghi-be, ghi phớt-xanh, đen-nâu, nâu đỏ nhạt, ve-nâu. Dân chúng do một linh cảm đầy thương yêu đối với phong cảnh của mình, mặc những bộ quần áo có màu hòa hợp với bối cảnh: đó chỉ là những áo dài vải thô, những quần áo rách rưới một màu đỏ gạch đã phai. Dưới chân tôi, những khối nâu đỏ đang cử động trên những chiếc thuyền mảnh bằng gỗ tốt màu đen hoặc màu gụ; chiếc cầu tre nhỏ cong xuống dưới sức nặng một người phụ nữ đang đi qua. Cô in hình rõ hơn trên những tia phản chiếu một màu vàng óng đã xỉn của mặt nước; quần rộng, áo dài màu đất, vạt bay phấp phới, một chiếc khăn buộc quanh má. Đội trên đầu một sọt đất hoặc than bùn, cô đi qua với dáng điệu kiểu Gauguin[x]. Phía trên cô tôi nhìn thấy những chiếc thuyền đánh cá đang lướt đi. Màu vàng rơn hoặc vàng gạch, hay vàng-lục hoặc xám. Gió thổi, nước vỗ bập bênh vào mạn ván một chiếc thuyền mảnh buộc. Một chiếc thuyền bé tí, chất đầy người lướt nhanh phía xa; trong đêm đang xuống, tôi nhìn thấy bóng dáng những người lái đò

đứng ở mũi hay ở đuôi thuyền, cúi rạp mình xuống một cái chèo giống như chèo của những người lái gông-đôn; đôi khi họ hát một câu hát lanh lảnh, vừa buồn lại vừa nhỏ nhẹ, hoàn toàn là những chuyển gam không sao nắm bắt được. Nếu có một làn mưa bụi cứ xuyên qua anh bằng muôn ngàn cái kim vô hình thì những người lái thuyền lại khoác một cái tơi bằng lá khô, màu rơm, khiến họ giống những con chim xù lông lên vì gió. Cao hơn, xa hơn, trời nước hòa lẫn vào nhau, mà không hề làm vướng tầm nhìn; dường như những con người bé tí cứ vừa bị lạc trong không gian rộng vậy, vừa được che chở bởi một sự thống nhất thật lớn, trí óc không hề bị mất hướng mà mở rộng ra hòa lẫn với khí quyển; ta không còn có thể biết ở sâu trong ta, đâu là kết thúc của các náo động và các tia phản chiếu thế giới - và ở phía ngoài ta, đến tận đâu tỏa lan các suy tư thầm kín nhất. Lúc ấy nếu ta nghĩ tới các họa sĩ Trung Quốc, tới các quý thần bí ẩn của đất này, tới Đạo giáo, Phật giáo - tới tất cả cái tư duy cứ không ngừng làm thế giới chao đảo bên bờ vô thức, người ta cảm thấy có thể hiểu được nó: những màu xám, bầu không khí tràn ứ nước đã tạo cho anh một tâm hồn mới, trong chốc lát.

*

Ngày 2 tháng Ba

Tôi đọc lại những trang trên đây. Chúng khiến lòng tôi tràn ngập nỗi tiếc và buồn bã: mùa đông đáng yêu đã kết thúc, tôi tin chắc vậy. Nó đã bay đi cách đây vừa đúng hai ngày. Tại sao tôi đã không viết tiếp thư này suốt trong hai ngày đó? Có một cách lý giải khả dĩ chấp nhận được: tôi đã không đọc, không viết, tôi chỉ có sống, hưởng thụ cuộc đời, củng cố sức khỏe, dự trữ sức lực để chống chọi với những ngày khắc nghiệt sắp tới. Cái lạnh trước đây, thật dễ chịu bởi trời đã lạnh, lạnh thật, và trùm kín mít áo len và áo khoác, và cứ ních áo vào như vậy, ta vẫn có thể đi hàng mấy tiếng đồng hồ mà không mệt! Vì vậy tôi đã không dại gì mà không làm thứ thể thao

đó. Không những tôi cố đi bộ mỗi ngày ít nhất hai lần quãng đường từ nhà tôi đến bộ Chỉ huy chừng ba cây số, mà vừa ra khỏi phòng làm việc vào lúc 5 giờ mười lăm tôi còn đi khắp thành phố, dọc theo bờ sông hoặc các vùng lân cận, đi nhanh không nghỉ cho tới tận 8 giờ. Ngày Chủ nhật cũng vậy, đi dạo; có một ngày Chủ nhật tôi đi cả ngày, chỉ nghỉ một lúc vào bữa ăn. Và bây giờ tôi sung sướng khi đã hoạt động nhiều đến thế; hiện nay không còn có thể đi mà lại không mệt. Ngày hôm qua, buổi chiều mát dịu sau một ngày rất nóng- nhưng cái nóng vẫn còn dễ chịu - khiến tôi nghĩ giống như tuần trước, có thể dễ dàng đi bộ dài từ 5 giờ mười lăm đến 8 giờ. Mặc bộ quần áo dạ quy định - chỉ một tháng nữa tôi mới được mặc quần áo vải - tôi đi dạo dọc theo các bến sông, hoặc đứng hơn trên bến sông nơi đi dạo ưa thích của tôi; có một làn gió mát, dễ cảm nhận trên cái đê cao này, cái núi bằng đất nện do những binh đoàn phụ nữ đã tôn cao lên, từng sọt từng sọt từng sọt một. Cứ như vậy tôi đi cho tới tận “Cầu Doumer”, cái cầu duy nhất nối Hà Nội với bờ bên kia con sông. Phải nói rằng chiếc cầu này là một trong những công trình lớn nhất mà các kỹ sư của chúng ta đã hoàn thành ở đây: đó là một cái cầu bằng sắt dài hơn một ki-lô-mét rưỡi với những vòm chống rất lớn; ở giữa eo là một đường xe lửa và mỗi bên có một đường cho xe ô-tô và vỉa hè cho người đi bộ. Từ rất xa phía trên nông thôn bằng phẳng, người ta đã thấy cuộn ra những đốt vòng của con rắn lớn mệnh mông này, nhẹ nhõm, duyên dáng và mạnh mẽ, qua những cột cao, có vẻ một công trình mỏng mảnh vậy mà nó đã chống lại bão và những trận lụt ghê gớm nhất. Trên phương diện là một công trình bằng sắt, đó là cái tôi đã được thấy quan trọng nhất sau tháp Eiffel. Nhưng một trong những cái đẹp nhất của nó, lại là ở chỗ treo trên một độ cao khá lớn, tấm chắn của nó giống như một cái lưới mắt cáo, mọi hơi thở và ngọn gió mà sóng sông Hồng chảy xiết mang tới, đều đi xuyên qua. Vào mùa hạ, hình như đó là nơi duy nhất người ta còn có ảo tưởng mát mẻ - và vào lúc này, vào thời điểm trời còn hơi mát mà người ta gọi là “mùa xuân” người ta hít thở được trên chiếc cầu này một không khí thoáng rộng trong lành, mạnh mẽ, giống như ngoài biển khơi. Nhưng nhất là cảnh tượng thật kì! Ngày hôm qua đứng giữa cầu sau lúc hoàng hôn, khi một ánh sáng nhợt nhạt mướt mà còn

hòa lẫn với bóng tối đang lan rộng, tôi đã ngắm rất lâu các khoảng không kỳ diệu ấy, lòng sông, đồng bằng rộng vô tận. Không, cho tới nay, kể cả chân trời đại dương, cũng chưa bao giờ cho tôi cảm giác về *không gian* đến như vậy, không gian ở trạng thái thuần khiết, gần như bản thân “ý niệm” về không gian vậy: nếu một họa sĩ muốn đứng ở chỗ tôi đứng ngày hôm qua để làm việc, thì trên một tranh vải chiều cao gấp mười chiều rộng, anh ta phải vạch ở phía dưới tận cùng của "trang giấy", gần như ở khung, một dải mảnh, thật mảnh, đó sẽ là đất, đồng bằng, một nét màu sắc mơ hồ, mờ ảo, vừa nhạt nhạt vừa sâu đậm. Tất cả phần còn lại của tranh vải là trời và những đám mây hỗn mang. Tôi nhìn về phía Tây và phía Bắc và cùng một lúc đó tôi phát hiện ra thế nào là châu Á; tôi nghĩ đến những dòng sông châu Á nơi đó có thể chứa được mười đến hai mươi con sông Danube rộng nhất của ta, tới những cây của nó cao hơn cả những cây thông tuyết cao nhất của ta. Sau cùng tôi thấm nghĩ với một nỗi khiếp sợ rằng phía đó, đằng sau chân trời ấy, có 400 triệu con người đang nổi loạn, tôi thấy một biển những mái tóc láng bóng lên lên xuống xuống và va vào nhau hỗn độn, trong một sự bất động ghê gớm, như sóng biển một ngày bão táp và đường chân trời như dâng lên rồi lại hạ xuống hàng ngàn mét, qua mỗi xáo động của con tàu...

*

Ngày 14 tháng Ba

Lại một đoạn ngưng mới! Có lẽ câu cuối cùng trên kia với dáng vẻ có phần điên loạn đã dự báo cơn cúm nhẹ ngay lúc đó đã ủ bệnh trong tôi. Ít nhất tôi cũng muốn tự thuyết phục mình rằng chỉ do cúm - chứ không phải nhiệt độ - mà ngay sau đó tôi đã qua những ngày mệt mỏi đến thế. Có một trường hợp mà tôi chẳng muốn khơi sâu làm gì! - giữa việc tôi bị khó ở và nhiệt độ ba ngày vừa qua đã lên tới điểm cao nhất với một tốc độ chóng

mặt, hình như ngang với nhiệt độ mùa hè - cũng có trùng hợp giữa đỉnh cao nhất của nhiệt độ và đỉnh cao nhất bệnh cúm của tôi! Nhưng may thay, đó chưa phải là lúc mùa hè khai trương, đó chỉ là một cơn giông, sau đó không lâu, đã tan đi nhanh như nó đến. Hiện tại, mùa đông lại trở về, mưa “phùn”, một thứ mưa mát mẻ và liên tục, bầu trời xám vẩn mây: người ta sông trở lại! Dường như tôi đã ra khỏi một cơn ác mộng bởi tôi đau cả về tinh thần và cơ thể - người tôi mệt mỏi kinh khủng, gầy đau thắt lại, ghê gớm như thể tôi bị kẹp giữa hàm con hổ. Về đầu óc, một kiểu trống vắng khiếp khủng như thể tâm hồn đã bỏ mất, không phải sự điều hành lý trí của mình mà là những điểm mốc, thế cân bằng, trọng tâm của nó, tôi chỉ có thể tự hỏi “Ta ở đâu vậy? Tất nhiên là ở khắp mọi nơi, ngoại trừ trên một hành tinh có thể ở được, và trong một cơ thể sung sướng được sống”. Và kèm theo đó là tán loạn những hình ảnh hỗn độn, kỳ cục, gớm guốc, của một cơn mê, tình cứ quấy nhiễu, chẳng chịt xen vào suy nghĩ của tôi, tuy vậy vẫn hoàn toàn có ý thức và lý trí. Và từ buổi tối, vào 8 giờ, tôi cứ ngồi ngây dại, trống vắng trong phòng tôi, nghĩa là một phòng cao sáu bảy mét, cửa sổ mở toang trước một cái quạt máy to dùng mở hết tốc độ kêu ù ù như cánh quạt máy bay. Thế mà người ta còn khẳng định với tôi rằng “đây chẳng là gì so với mùa hạ”. Rốt cuộc thì hôm nay trời lạnh, tôi vui vẻ, vững chãi trong chính giữa bản thân mình: thôi, cứ cho rằng vào cái ngày phi thường ấy tôi đã bị cúm, và chẳng điều đó có thật, chỉ bị cúm thôi nhưng tôi khỏi tin chắc rằng sau tháng nóng sắp tới sẽ là những tháng khổ hình thực sự đối với tôi. Thì chúng ta không nói chuyện này nữa!

Nhưng thử thách này cũng đã khiến tôi yên tâm về một điểm: từ nay mẹ tôi và tôi, vào năm sau khi chúng tôi ra về, sẽ không hối hận để cha tôi ở lại một mình. Cũng là điều thật kỳ lạ khi nhận thấy những con người khác nhau có thể phản ứng khác nhau đến mức nào trong hoàn cảnh giống nhau: mỗi người, theo với mặt yếu trong thể tạng mình hơn là theo mặt mạnh: mỗi lần xuất hiện cái thứ trời nóng bức ngột ngạt, xâm xấp ẩm giống như một kiểu tắm hơi, thì cha tôi, suốt mùa đông lúc nào cũng ôm ấm, đột nhiên

như trẻ ra đến hai mươi tuổi. Ông lại bắt đầu hăng hái làm việc, lại ăn ngon ngủ yên, ông hát suốt ngày và chưa bao giờ đầu óc ông lại sáng suốt, nhanh nhẹn, chính xác, và ý chí ông lại năng nổ như vậy: bởi căn bệnh đặc biệt của ông, nhược điểm thể chất ông là ở trong phế quản; như tất cả những người mà bộ máy hô hấp ốm yếu, ông cần sống trong một không khí lúc nào cũng ấm nóng. Điều này lý giải tại sao ông hết sức yêu mến đất nước này, có hòa đồng giữa họ với nhau. Và tôi nghĩ tới sức hấp dẫn của các xứ nhiệt đới đối với Gide, châu Phi và xứ Congo. Hoặctôi nhầm hoặcdường như Gide đã giữ lại từ tuổi thanh niên một thiên hướng nào đó về lao phổi? Và sáng nay tôi vừa đọc lại một bài báo rất hay mà Baudelaire đã biết cho Delacroix ngày ông này mất. Delacroix bị viêm phế quản, lúc nào cũng sống trùm trong áo khoác, bịt khăn kín mít và Baudelaire đã nói về “cái xưởng vẽ đó, được che chắn kỹ càng, nơi lúc nào cũng bao trùm một *nhiệt độ vùng nhiệt đới*, cho dù khí hậu của chúng ta thật khắc nghiệt!” với tôi, hình như ở trường hợp mà tôi tin rằng thầy thuốc sẽ cho là tôi đúng: đối đỉnh với cái gia đình những thể tạng mà tôi có thể gọi là “những người mắc bệnh phổi”, còn có những người tôi có thể xếp vào loại “đau gan” trong đó có tôi. Những người này phổi tốt, nhưng ngược lại luôn bị trở ngại bởi một bộ máy tiêu hóa lười biếng, chuyên sản xuất ra độc tố, và cũng bởi chính con điều hòa từng hành hạ Prométhée, tấn công kịch liệt vào đúng nơi ấy của cơ thể; những người này lại sợ mặt trời và nóng bức hơn cả cái chết nữa, họ kinh ghét bầu trời rực rỡ xanh biếc, đến mùa hè, họ trốn vào các tầng hầm, và hét lên cùng với Mallarmé “Tôi bị ám, xa xanh! xa xanh! xa xanh!”. Phải chăng Voltaire vốn “bị bệnh mặt” nặng, thấy cuộc đời thật tuyệt khi làm việc trên những cao nguyên trong lãnh của Ferney, dưới mắt là quang cảnh tươi mát ngon lành đầy hương của dãy Alpes? Và còn Baudelaire nữa thường chỉ có thể ăn được những bột nhẹ, mặc dù nổi nhớ nhung về một phương Đông bịa đặt, chẳng phải ông đã ở đúng chỗ của mình giữa những phố âm u của Paris tháng Mười Một, trong không khí những tranh khắc đồng của Meryon hay tranh phong cảnh thành thị Bonington? Tôi hy vọng, thưa ông, chắc không một phút nào ông lại nghĩ tôi có ý định kiêu ngạo so sánh đầu óc và tài năng của cha tôi với

Delacroix, của tôi với Naudelaire hay Mallarmé! Có điều, để có thể tự tạo cho mình một kiểu nghề thuốc bé nhỏ, sơ đẳng, những kẻ ngu dốt như tôi chỉ còn cách khen ngợi các nhà viết tiểu sử dù cho họ thường là khá đáng ghét, khi họ đã tò mò đi sâu đến thế vào cuộc sống riêng tư - có thể nói: cuộc sống gần như sinh lý - của các vĩ nhân: các "con người tiêu biểu ấy", các khí chất nổi bật và cá biệt hóa mạnh mẽ đến vậy mỗi người đã tự biết tạo ra cho mình một thế giới thích hợp đến thế với bản chất sâu xa của mình một cách lô-gích và khăng khít, họ có thể là những điểm mốc để hiểu về con người bình thường, và họ như thế những người đứng đầu cho những nhánh khác nhau của một kiểu phân loại theo "bản tính", "tính cách" hay "khí chất". Cũng vậy, khi tự xếp vào loại "yếu gan", tôi hiểu tôi hơn, tôi cũng tự cắt nghĩa được cho mình, tại sao một bữa cơm thịnh soạn lúc nào đối với tôi cũng là một tai họa lớn hơn là một cơn lốc hay một trận núi lửa đang phun, và tại sao các giấc mộng du lịch của tôi bao giờ cũng hướng về, không phải phương Đông mà là các dãy núi đầy tuyết của phương Tây hay sương mù phương Bắc: Thụy Điển, xứ Ê-cốt, nước Nga! Vậy tôi đến làm gì ở những vùng đối với tôi thật sự là "đầy ác cảm"? Nhiều lúc tôi lo âu đặt cho mình câu hỏi này - thực sự vô lý, vì chính tôi đã muốn đến! Và đây lại cũng là một nét trong tính nết nực cười của tôi là cứ muốn rồi lại không muốn và lại hối tiếc về các sai lầm của mình sau khi đã phạm lỗi trong một ý thích thất thường đột nhiên và không sao nén được; vậy là tôi đành phải chịu đựng một khổ hình mà tôi tự áp đặt - nhưng nếu tôi không chết vì bệnh dịch tả trong trận dịch thường nên mùa hạ, nếu tôi trở về bình yên vô sự sau một năm - hơn một năm! Tôi thề rằng sẽ ở Paris càng lâu càng tốt, để tận hưởng những đêm đông dài giá lạnh, những ngày ngắn nhợt nhạt - hoặc nếu đi du lịch, tôi sẽ cố đi Copenhague và các vịnh hẹp, hoặc cá "trông vùng Ossian" hay các thảo nguyên Nga!!! - Đó chỉ là một lời ước, không hơn.

Tại sao cái nhiệt độ tuyệt diệu của mùa đông Bắc bộ - như nhiệt độ ngày hôm nay chẳng hạn, lại không kéo dài suốt năm? Người ta sẽ hạnh phúc bao nhiêu trong thành phố nhỏ này! Nhất là ở đây người ta sẽ làm việc, suy

tư và và sẽ tập trung suy nghĩ được biết bao nhiêu! Thật bình lặng! Thật im ắng! Và cuộc sống xã hội và giao tiếp ở đây được thu hẹp đến mức đơn giản nhất. Ở đây, người ta sống như kiểu giai tầng trưởng giả lương thiện đã sống ở Lyon thế kỉ XVI, ở Rouen hay Dijon thế kỉ XVII, hoặc nữa là vào trước thời Đế chế Phổ, ở một trong những công quốc Đức giống như công quốc *Gobineau* đã miêu tả trong cuốn *Pléiades*. Nếu ở đây có được một cuộc sống tinh thần vốn hoàn toàn thiếu vắng, nếu người ta quên đi rằng “ở đây chúng ta không phải ở tại nhà chúng ta” và rằng một cuộc nổi dậy được lãnh đạo tốt sẽ đuổi chúng ta đi sau hai ngày, cuối cùng nếu không có cái mùa hè khiếp khùng ấy, thì người ta hình dung được rằng một ông Kant sẽ có thể sống tại đây một cuộc sống giống như ở Königsberg: cuộc dạo chơi hàng ngày vào đúng giờ ấy, cũng vào đúng giờ, công việc hoặc trò chuyện để đỡ mệt với “Ngài Công sứ - đốc lý” hay “Ông tổng thanh tra cầu cống” mà các chức tước kêu vang vang trên miệng các nhà thuộc địa cũng oai về chẳng khác gì chữ "cổ vấn tối cao" hay “trợ lý riêng” dưới râu mép các người đồng thời của Jean-Paul. Điều này lại là một điểm đã có thể khiến một người không chút phù phiếm như cha tôi thích thú: trong đám đông công chức tầm thường ấy, ông đã nhanh chóng lựa ra được một vài ngoại lệ, một vài người bạn trung thành; hoặc nói cách khác việc lựa chọn không thật khó: chỉ cần tìm trong một nhóm nhỏ rất hẹp, rất đóng kín, rất gìn giữ sự liêm khiết của mình, “những người đầu bảng của thành đô”. Tất nhiên, tôi nói điều này mà không hề có chút tự kiêu vặt nào. Rất hiển nhiên là trong một cộng đồng mà trình độ thường là thấp hơn nhiều so với chính quốc, để tìm được những người tương đương với những người ở Pháp được gọi là “có học vấn” hoặc “am hiểu sáng suốt về nghệ thuật hay trí tuệ”, thì phải tìm tới cái cao nhất, trong bậc thang thuộc địa, những người lãnh đạo từ rất cao: các thống đốc, những quan chức hành chính chủ chốt, người đứng đầu các công cụ lớn, nghĩa là “các vụ khanh”. Những người này chỉ gồm một nhóm nhỏ, số lượng rất ít, vài chục người là cùng - và những người ở “nấc thứ hai” kém họ một trời một vực. Chúng tôi sống chính trong cái xã hội bé nhỏ ưu tú, và tôi phải nói là rất dễ chịu ấy. Ôi! Tất nhiên họ không làm tôi quên được các bậc thầy và các bạn tôi ở Paris!

Thưa ông, nỗi nhớ của tôi đối với ông, đối với những mảnh không khí ở nơi ông mà tôi đã được chạm đến và hít thở, ở cái hành tình bé nhỏ mà tôi đã tiếp nhận ảnh hưởng trong khung cảnh Pontigny, nỗi nhớ đó ngày càng tăng và càng xót xa. Nhưng tôi muốn nói rằng ở đây vào những giờ phút chán đời, tôi đã có được một vài người để có thể nói về những cái tôi yêu thích, sau giờ “bàn giấy” tôi có thể uống trà nơi “Bà Pháp quan này hay Bà Nghị viên khác”, trong thính phòng của họ tôi chắc chắn lúc nào cũng tìm thấy vương vãi trên bàn một đĩa hát hay của “hộp xướng da đen” mới nhất và thú vị nhất. Chẳng hạn người bạn thân nhất của cha tôi, ở đây đang làm một công việc gì đó kiểu bộ trưởng Cầu cống, là một người có học thức, tinh tế, thanh nhã, nói chuyện với ông ấy bao giờ cũng thật bổ ích, và gần đây nhất tôi có được niềm vui nghe ông ấy nói về Gide và Mallarmé, còn hơn là với tư cách một người thưởng thức đơn thuần. Còn hơn thế, ở đây tôi đã có thể tìm được những người không bị nhiễm đầu óc thuộc địa, trước họ, tôi có thể tự do nói về những nghi ngờ, tự do phê phán và nói lên sự phẫn nộ của tôi cả về giá trị của khái niệm thực dân: chẳng hạn như người thiếu phụ kia, “đồ đệ” gián tiếp của Schmidt, hoặc còn hơn thế nữa, cô thiếu nữ này, sau khi thi xong bằng P.C.M[xi] và cử nhân khoa học ở Pháp đã buộc lòng phải sang đây nhận một việc làm bên cạnh người bố vốn là thầy thuốc. Rốt cuộc, đây là một người thực sự đau khổ vì thiếu môi trường trí thức, vì các mối giao du thật tầm thường, vì sự “câm lặng” của những người bị “thực dân hóa”, vì các mùa hè khắc nghiệt; với nàng tôi có thể nói về đất Na Uy xa lạ và mơ ước, về Jouvett, về rạp xi-nê ở Ursulines, về ông, về Claudel, Gide và các nhà Siêu thực, về nỗi nhớ nhung vườn Luxembourg và phố Soufflot của chúng tôi, và chúng tôi cùng nói đi nói lại với nhau rằng thà có một tầng áp mái trên núi Sainte-Generiève còn hơn là sự xa hoa bấp bênh và mong manh mà người ta được hưởng ở đây, và hai chúng tôi trù liệu khả năng một chuyến trở về qua đường sắt xuyên Sibia, và tôi nhớ rằng đã rất mừng - mừng cả lúc có hơi bị đụng chạm trong lòng tự ái - khi biết rằng cô thiếu nữ “siêu về khoa học” ấy lại chứng tỏ cho tôi biết rằng nàng am hiểu văn học hiện đại gần như hơn cả tôi. Sau rốt thì ông cũng thấy rằng tôi chẳng có

gì đáng phàn nàn, rằng, trong mọi việc này, cũng chẳng có gì là vấn đề quân dịch nữa mặc dù vậy tôi vẫn nghĩ tới ngày về.

Song để quay trở lại đề tài về môi trường Hà Nội, môi trường này còn tạo cho tôi điều kiện nghiên cứu dễ hơn các ngõ ngách lớn nhỏ của cuộc sống. Quả nhiên, tất cả mọi điều gì còn bị che giấu và là bí mật dưới mắt một người dân Paris không phải là “người cai trị” mà là người “bị trị”, có thể được đọc thấy ở đây không chút che đậy như bày ra trên một cái bàn mổ. Một vài nghìn người Pháp cai trị đất nước và các cấp dưới người bản xứ của họ lập thành một cơ cấu hoàn chỉnh, một nước Pháp thu nhỏ ở đó mỗi cơ quan đều đại diện, ở mức rút nhỏ lại: có một chính phủ với người đứng đầu, các bộ trưởng, các “bộ” Tư pháp, Giáo dục, Cảnh sát, Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao vân vân, có những đảng phái, một tờ báo thuộc chính phủ, một đối lập và một số tờ báo cách mạng trong số người Việt Nam, rồi đội quân có kỷ luật của các công chức và các đại diện đủ loại. Cuối cùng, một nền công nghiệp và một nền thương mại. Và chẳng có gì ngộ nghĩnh hơn là nhìn thấy vân hành bức biếm họa một Quốc gia: tưởng như ta đang “sống” *Tu viện thành Parime hoặc Les Pléiades*. Để có được niềm thích thú không chút ảm ý trong việc ngắm nhìn cái bộ máy lồng kính này, bất hạnh thay, ta cần phải quên rằng trò chơi diễn ra không tính rời một dân tộc lớn “chịu đựng” nó mà không chút chấp nhận hào hứng nào và dường như dưới cái vẻ hạ cố uể oải họ vẫn ngấm ngầm nuôi dưỡng hy vọng bền bỉ, kiên trì, gần như bí ẩn, một ngày kia, sẽ thấy thứ đồ chơi xinh xẻo này nổ lộn tùng phèo! Cuối cùng, sau nhiều cố gắng đôi khi tôi cũng đạt tới chỗ thích thú ngắm nhìn đó, và chẳng muốn tự do tận hưởng một mặt, cảnh tượng xã hội châu Âu, mặt khác là cảnh tượng xã hội châu Á, quan sát viên khách quan cần cố gắng tách hẳn hai thế giới này ra trong óc mình: sự kết hợp chúng lại chẳng mang lại gì cho suy tư ngoài sự chuệnh choạng, bấp bênh và lộn xộn; tốt hơn nên đi từ cảnh tượng này sang cảnh tượng khác, nếu ở đây ta chẳng có gì làm ngoài việc dạo chơi. Chẳng hạn cả một ngày tôi chỉ giao du với người Pháp mà thôi Tôi có thể đánh máy báo cáo cho chỉ

huy X, rồi nghiên cứu triết học Hi Lạp, dịch một chút tiếng Đức, sau đó có thể đến mua ở cửa hiệu “Les Grands Magains”^[xii] rồi đến ăn tối và khiêu vũ ở nhà Bà Nọ. Một ngày Âu. Ngày hôm sau, nếu là Chủ nhật, tôi có thể đi chơi một mình ở vùng nông thôn, cùng với người bạn trẻ của tôi, họa sĩ Lê Phổ, cùng nhau chúng tôi đã có thể tìm ra các vẻ đẹp của vùng quê, sự yên bình hẻo lánh của một sân chùa cổ, tôi đã có thể tranh luận về những giá trị của bức tranh cuối cùng của bạn tôi, hãy còn chịu quá nhiều ảnh hưởng của Gauguin. Rồi chúng tôi sẽ nói chuyện với nhau rất lâu, ngồi trước một tách trà bé tí xíu, trong một căn phòng yên tĩnh nơi trước đây, giữa những bình cổ Trung Quốc, tổ tiên của bạn tôi, quan đại thần và là “Mạnh thường quân” vẫn tiếp các nhà thờ và họa sĩ; ánh ngày dần dần hạ xuống, mịn như tơ và màu xám tro lan tỏa giữa những cây lùn của mảnh sân nhỏ yên tĩnh giống như sân một tu viện xứ Florence - yên lặng, tĩnh tâm - gió lùa trong lá - một người hầu gái quét sân. Một ngày Việt. Nhưng càng tránh càng tốt, đừng bao giờ hòa lẫn hai thế giới khác biệt nhau đến thế: điều đó làm tâm hồn rầu rĩ như tất cả các sản phẩm lai tạp và không hài hòa.

Thưa ông, trên đây là cuộc sống và chương trình của tôi. Ngoài ra, ở đây tôi đọc rất nhiều và cũng ở chính đây tôi đã đọc được những điều trước đây chưa hề biết khi mà ở Paris, giữa bao nhiêu điều cám dỗ hào nhoáng, bao nhiêu phung phí, tiêu khiển. Tôi đã học được cách không tiêu phí thời gian và sống một cuộc sống đều đặn. Ở đây tôi đọc mọi thứ mà trước đây tôi đã hoãn lại không đọc ngày này qua ngày khác, từ hàng bao năm nay: triết học, tiểu thuyết, các nhà thơ, và tôi học tiếng Đức, tôi sắp học tiếng Anh và tôi đã viết thư cho một người bạn để anh có thể gửi cho tôi chương trình thi tuyển của Bộ Ngoại giao, tôi muốn chuẩn bị thi tại đây. Nhưng tôi không viết được gì, tôi bị mắc chứng căn cổ. Tình trạng này sẽ kéo đến bao giờ!

Lời kết của bức thư này, ông thân mến, lời kết duy nhất là, tôi thấy ông ở xa kinh khủng trong thời gian và không gian khi mà hình ảnh ông lại ngày càng gần tôi ngoài không gian và thời gian và tôi sẽ cho hết mọi thứ trên đời để được đọc một chút chữ viết của ông, ngoài bức thư cuối ông viết từ Lyon - tôi giữ ở kia trong ngăn kéo, mà tôi đã thuộc lòng các gạch ngang, dấu chấm và dấu phẩy! Ông sẽ nhân từ một lần nữa, phải không thưa ông, và ông sẽ nói với tôi rằng “Cuộc Khám bệnh”, “La Sorella”, “Cái chết của người Cha” và “Nhổ neo” sắp ra đời, có nghĩa là thế giới Bellémien vẫn đang sống trong ánh sáng thần diệu ấy của tinh thần và của ánh ngày mà tôi đã có niềm vui được bao bọc trong đó - lúc nào nhỉ: có phải mới cách đây hai ngày hay đã mười năm? Tôi không biết nữa! “Có phải đã xa hơn là Ấn Độ và Trung hoa”. Trung hoa, *chính gần như tự nơi này mà tôi đang viết cho ông*. Điều thật khó hiểu, phi lý.

Xin nhờ ông chuyển tới Bà Martin du Gard lòng tôn kính và biết ơn của tôi về cuộc đón tiếp mà kỉ niệm vẫn còn soi rọi trong tôi như một ánh sáng huyền diệu. Riêng dành cho ông, thưa ông, là mọi ý nghĩ của tôi, bao giờ cũng đầy xúc cảm và gắn bó sâu sắc, trọn đời.

Jean Tardieu của ông.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

[i] Pontigny: một xã của vùng Yonne nổi tiếng về một tu viện thành lập từ thế kỷ thứ II. Thế kỷ XX ở đây đã diễn ra nhiều hội thảo văn học được gọi là các cuộc đối thoại Pontigny.

[ii] NRF: Nouvelle Revue Française, tạp chí thành lập năm 1909 do Jacques Rivière là người chủ trì đầu tiên, tập hợp được nhiều nhà văn lớn và là một trung tâm của đời sống văn học đương thời.

[iii] Trong bản in Gallimard (9 tháng Năm 1997): từ marc (rượu mar hay rượu bã nho) in sai thành mare.

[iv] Trong vở kịch Trường học làm vợ của Molière Arnolphe, cha đỡ đầu của Agnès là một người độc đoán và thù cừ.

[v] Ở đây chắc chắn tác giả nói về cách chữa bệnh bằng tàn nhang nước thái theo mê tín dị đoan thời kỳ trước đây.

[vi] Dịch chữ fondu: nấu chảy, nhạt dần (họa), hình chông (điện ảnh).

[vii] Chác thiếu óc

[viii] Q.G.: Bộ Tổng tư lệnh.

[ix] Léonard: ý nói Léonard de Vinci nhà danh họa Ý thế kỷ XV.

[x] Gauguin: nhà danh họa Pháp (1848-1903) sau thời kỳ sang đảo Tahiti đã vẽ nhiều bức tranh đẹp về phụ nữ bản xứ.

[xi] PCM: bảng tú tài toán lý hóa.

[xii] Tổng hợp các cửa hàng lớn.